

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 24.12/HĐKT/ĐHNL-APIS

Gói thầu: Mua Phần mềm quản lý thu học phí

Đề án: Điện tử hóa công tác quản lý tài chính Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo ngày 23/12/2020 của gói thầu: “Mua Phần mềm quản lý thu học phí” giữa trường Đại học Nông Lâm và Công ty cổ phần dịch vụ công nghệ APIS;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư) : TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Địa chỉ : Tổ 10, xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 0206275999 - Fax: 0202490866

Tài khoản số : 9527.1.1055707

Tại : Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế : 4600400511

Đại diện : Ông Trần Văn Điền Chức vụ: Hiệu trưởng

Bên B (Nhà thầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ APIS

Địa chỉ : Số 609 Nguyễn Hoàng Tôn, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0107818158

Điện thoại : 0978328899

Tài khoản số : 212266688888

Tại : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – PGD Mỹ Đình

Đại diện : Ông Nguyễn Minh Tuấn Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Nhà thầu cung cấp “Phần mềm quản lý thu học phí” thuộc gói thầu: Mua Phần mềm quản lý thu học phí, tại địa điểm của chủ đầu tư: Tổ 10 xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo đúng phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Hàng hóa phải được bên B cài đặt, chuyển giao tại Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng : **300.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn) - Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
2. Loại tiền thanh toán : Toàn bộ khoản thanh toán của bên A cho bên B đều tính bằng : Tiền đồng Việt Nam
3. Phương thức thanh toán : Chuyển khoản thông qua kho bạc/ngân hàng của bên A.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện và bảo đảm thực hiện hợp đồng

- a) Thời gian thực hiện: 7 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- b) Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B đảm bảo hàng hóa đáp ứng theo yêu cầu của dự án đúng như đã yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu và biên bản thương thảo hợp đồng;

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ cam kết;

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được vận đến địa điểm bàn giao tại địa điểm thực hiện đề tài của chủ đầu tư phải đảm bảo còn nguyên bao bì, nhãn mác rõ ràng, không bị mốc, hỏng, đúng chủng loại và đủ khối lượng.

3. Hàng hoá sẽ được kiểm tra trước khi bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay đổi hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính hàng hóa. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm thử hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của bên B.

Điều 12. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 13. Bảo hành

1. Thời gian: 12 Tháng, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao;

2. Bảo đảm bảo hành: Trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký thanh lý hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng.

- Số tiền bảo lãnh: **15.000.000 đ** (Bằng chữ: **Mười lăm triệu đồng./.**)

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định của nhà nước.

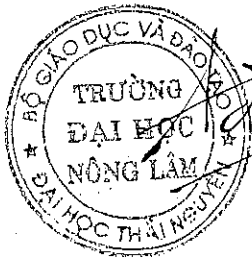
Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ: Ngày 25 tháng 12 năm 2020

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

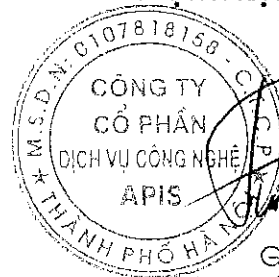
Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Văn Điền*

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tuấn

PHỤ LỤC 01

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 24.12/HĐKT/ĐHNL-APIS, ngày 24/12/2020)

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền (VNĐ)
1	Phần mềm thu học phí	300.000.000
2	Triển khai cài đặt phần mềm thu phí, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, đào tạo chuyên giao công nghệ.	0
Tổng cộng giá hợp đồng <i>(Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)</i>		300.000.000

PHỤ LỤC 02

PHẠM VI CUNG CẤP

(Kèm theo hợp đồng số 24.12/HĐKT/ĐHNL-APIS, ngày 24/12/2020)

STT	Danh mục chức năng
1	Khai báo chung hệ thống
2	Khai báo đầu vào theo mô hình định mức cố định niên chế
3	Khai báo đầu vào theo mô hình tín chỉ
4	Quản lý đối tượng chính sách miễn giảm, phê duyệt danh sách
5	Quản lý tình trạng hóa đơn
6	Quản lý tình trạng phiếu thu, biên lai
7	Quản lý nợ phí riêng từng khoản
8	Quản lý dư phí riêng từng khoản
9	Nhập dữ liệu phải nộp từ file excel
10	Nhập dữ liệu đã nộp từ file excel
11	Quản lý nợ phí chung tự cân đối các khoản
12	Quản lý dư phí chung tự cân đối các khoản
13	Thu tiền mặt các khoản thu và xuất hóa đơn
14	Thu tiền mặt các khoản thu và xuất phiếu thu, biên lai
15	Thiết lập công thức tính phí phải đóng và áp dụng cho các phạm vi khác nhau
16	Thực hiện xuất hóa đơn sau đối với các khoản đã thu
17	Tính các khoản thu tự động
18	Tính miễn giảm tự động
19	Thống kê, báo cáo tài chính
20	Đối chiếu, đối soát dữ liệu với các kênh giao dịch
21	Nhập danh sách các đối tác đào tạo
22	Thu tiền mặt các khoản đối với đối tác đào tạo

23	Theo dõi tình hình thu phí chung toàn trường
24	Chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới, thực hiện kiểm tra dữ liệu sau khi chuyển đổi, sao lưu dữ liệu cũ